

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 353/2025/HS-PT
Ngày: 17 - 7 - 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Kiều Vân.

Các Thẩm phán: Bà Phan Thị Thu Hương.
Bà Nguyễn Thị Lê Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Mỹ Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 07 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 130/2025/TLPT-HS ngày 01/4/2025 đối với bị cáo Đỗ Thị Á. Do có kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Á đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 15/2025/HS-ST ngày 18 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai).

- Bị cáo có kháng cáo: Đỗ Thị Á, sinh năm 1987, tại Bắc Ninh;

Số CCCD 027187010506, Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về Trật tự xã hội cấp ngày 02/6/2022.

Nơi cư trú: Tổ C, khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai); Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Con ông Đỗ Trọng T, sinh năm 1965 và bà Ngô Thị Q, sinh năm 1964; Bị cáo có chồng là Đoàn Xuân K, sinh năm 1984 (đã ly hôn tại Bản án số 21/2021/HNGĐ-ST ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh); có 04 con chung sinh năm 2010 - năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 02/4/2024 cho đến nay (có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Văn N, Luật sư Văn phòng Luật sư Nguyễn Thị T1, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. (có mặt)

- Bị hại: Bà Tìn Nhật S, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số A, tổ F, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Đoàn Xuân K, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

- **Người làm chứng:**

1. Ông Phún Sín N1, sinh năm 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Số F, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai).

2. Bà Huỳnh Thị H, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai).

3. Chị Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 2004 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, tổ F, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai)

4. Ông Lâm A P, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số E, tổ A, ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai (nay là xã C, tỉnh Đồng Nai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Nội dung chính:

Huỳnh Hưng L, sinh năm 1979 ngụ ấp T, xã B, huyện C, tỉnh Đồng Nai phạm tội “Vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Vào ngày 24/02/2023, L bị Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xử phạt 02 năm 06 tháng tù và bắt tạm giam ngay tại phiên tòa để bảo đảm thi hành án. Sau khi L bị tuyên án phạt tù và bị bắt tạm giam, chị Tìn Nhật S (vợ của L), sinh năm 1979 ngụ ấp T, xã B, huyện C, Đồng Nai đã thông báo sự việc trên cho gia đình của mình biết. Vài ngày sau, anh Phún Sín N1, sinh năm 1990 (cháu rể của chị S) ngụ tại ấp T, xã B, huyện C, Đồng Nai có kể lại sự việc của gia đình chị S cho ông Lâm A P, sinh năm 1972 ngụ cùng ấp biết và hỏi P có quen biết ai, nhờ giúp đỡ L giảm nhẹ hình phạt. Nghe vậy, ông P nói với N1 có quen biết Huỳnh Thị H, sinh năm 1969 ngụ khu phố A, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai là người cùng kinh doanh bất động sản với P có quen biết nhiều người, H có khả năng giúp đỡ được cho Huỳnh Hưng L. P liền điện thoại cho H và hỏi thì được H đồng ý, nên P đưa số điện thoại của H cho N1 để hai bên liên lạc trao đổi với nhau.

Qua trao đổi nói chuyện bằng điện thoại, H hẹn với N1 gặp mặt trực tiếp để trao đổi. Sau đó, H kể lại việc N1 nhờ giúp đỡ cho Đỗ Thị Á nghe, qua xem xét Á đồng ý hẹn gặp gia đình của L để trao đổi việc giúp đỡ cho L được tại ngoại và hưởng án treo.

Chiều ngày 24/3/2023, chị S, anh N1 và Huỳnh Ngọc Y, sinh năm 2004 (là con gái ruột của L và chị S) đến quán nước “Spring Garden” thuộc xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai gặp Á để thỏa thuận (thời điểm này H không có mặt). Tại đây, hai bên trao đổi, thống nhất là Á sẽ lo “chạy án” cho Huỳnh Hưng L được tại ngoại và hưởng án treo (mặc dù Á không có khả năng này), với chi phí bên gia đình của L (cụ thể là chị S) phải đưa cho Á là 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) và chia làm 03 đợt nhận tiền, cụ thể:

- Lần thứ nhất: Ngày 24/3/2023, sau khi thỏa thuận xong chị S phải đưa cho Á với số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

- Lần thứ 2: Sau khi có quyết định cho Huỳnh Hưng L tại ngoại thì chị S phải đưa cho Á với số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Lần thứ 3: Sau khi có quyết định cho Huỳnh Hưng L được hưởng án treo thì chị S đưa cho Á số tiền còn lại 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận nếu không lo được việc cho Huỳnh Hưng L tại ngoại và được hưởng án treo, thì Á sẽ hoàn trả lại cho chị S số tiền 400.000.000 đồng. Thỏa thuận xong, Á và chị S, anh N1 cùng nhau ký kết vào giấy giao nhận tiền ghi ngày 24/3/2023; trong đó ghi nhận toàn bộ nội dung đã thỏa thuận, đồng thời Á và chị S, anh N1 ký tên điểm chỉ vào giấy. Ngay sau khi ký kết, chị S đã đưa tiền mặt cho Á 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và Á ký tên xác nhận vào trong tờ giấy giao nhận tiền, ghi ngày 24/3/2023.

Sau khi nhận được số tiền 100.000.000 đồng được một thời gian, Á tiếp tục liên hệ với gia đình L, nói rằng cần phải đưa thêm số tiền 150.000.000 đồng thì mới lo cho L được tại ngoại. Vì mong muốn L sớm tại ngoại nên chị S đồng ý và đề nghị đưa thêm cho Á 100.000.000 đồng, hẹn cho đến khi Huỳnh Hưng L được tại ngoại và hưởng án treo thì S sẽ đưa số tiền 200.000.000 đồng còn lại cho Á. Nghe vậy, Á đồng ý hẹn gặp chị S vào ngày 29/3/2023 tại quán “Én café” thuộc khu phố E, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai để giao nhận tiền. Trong quá trình chờ giao nhận tiền, Á soạn sẵn 01 (một) Đơn kháng cáo để cho gia đình chị S đưa Huỳnh Hưng L ký tên nhằm kháng cáo Bản án số 14/2023/HS-ST ngày 24/02/2023, của TAND thành phố Long Khánh đến TAND tỉnh Đồng Nai. Đến sáng ngày 29/3/2023, chị S, anh N1 và Y cùng đến điểm hẹn gặp Á đi cùng Huỳnh Thị H. Tại đây, chị S đưa tiền mặt là 100.000.000 đồng cho Á; Á nhận tiền và ký tên xác nhận vào trong tờ giấy giao tiền ghi ngày 24/3/2023.

Đến giữa tháng 4/2023, Á liên hệ với gia đình chị S, nói rằng phải đưa đủ số tiền còn lại là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) thì mới lo được cho Huỳnh Hưng L tại ngoại và hưởng án treo nên chị S đồng ý, hẹn gặp Á sáng ngày 14/4/2023 tại quán “Én café”. Tại đây, chị S, anh N1 và Y cùng đến điểm gặp Á và H. Trong quá trình trao đổi, gia đình chị S đề nghị đưa trước số tiền 150.000.000 đồng, đến khi nào Huỳnh Hưng L được hưởng án treo thì sẽ đưa đủ số tiền còn lại 50.000.000 đồng. Á cùng H không đồng ý và cho rằng người nhận làm hồ sơ vụ án (hiện chưa rõ nhân thân) yêu cầu phải đưa đủ số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) thì mới làm hồ sơ. Đồng thời cam kết, sau khi đưa đủ tiền thì đến chiều cùng ngày Huỳnh Hưng L sẽ được tại ngoại. Ngoài ra, H còn liên tục thuyết phục gia đình chị S đưa đủ số tiền 400.000.000 đồng cho Á và khẳng định, nếu không lo được việc cho Huỳnh Hưng L thì sẽ hoàn trả lại đầy đủ số tiền đã nhận. Vì tin tưởng Á và H nên gia đình chị S đã đưa đủ số tiền 200.000.000 đồng (bằng tiền mặt) cho Á. Sau khi nhận được tiền, Á viết nội dung đã nhận đủ số tiền 400.000.000 đồng vào mặt sau của giấy giao tiền ghi ngày 24/3/2023 rồi ký tên. Đồng thời, Á đi cùng H đưa gia đình chị S đến Trại tạm giam Công an tỉnh Đ tại số D, đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai để đón anh L về. Tại đây, gia đình chị S chờ đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Á thông báo lại cho gia đình chị S biết là Huỳnh Hưng L không được tại ngoại và đề nghị trả lại trước cho gia đình chị S 200.000.000 đồng, số tiền còn lại 200.000.000 đồng Á tiếp tục giữ lại để lo “chạy án” cho L được hưởng án treo. Nghe vậy, gia đình chị S đồng ý nên Á đã chuyển 200.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng số 860948595118, Ngân hàng T2, chủ tài khoản: DO THI AI của Á vào tài khoản ngân hàng S1, Ngân hàng B, chủ tài khoản HUYNH NGOC YEN cho Huỳnh Ngọc Y (con ruột chị S). Sau khi nhận lại số tiền 200.000.000 đồng từ Á, gia đình chị S vẫn tiếp tục nhờ Á lo cho anh L được tại ngoại.

Khoảng vài ngày sau, Á lại tiếp tục liên hệ, nói rằng có thể lo cho L được tại ngoại và yêu cầu gia đình chị S đưa thêm 200.000.000 đồng cho đủ 400.000.000 đồng. Vì rất mong muốn anh L được ra khỏi Trại tạm giam Công an tỉnh Đ, nên gia đình chị S đồng ý và đề nghị đưa trước 150.000.000 đồng, số tiền còn lại khi nào anh L được hưởng án treo sẽ đưa. Á đồng ý nên các bên hẹn ngày gặp mặt để giao nhận tiền. Trước khi gặp nhau, Á soạn sẵn 01 (một) Đơn xin bảo lãnh để chị S, chị Y ký tên và đưa lại cho Á nhằm lo cho anh L được tại ngoại. Đến chiều ngày 28/4/2023, chị S, anh N1 và Y cùng đến quán “Én café” (điểm hẹn cũ) gặp Á và H. Tại đây, gia đình chị S chỉ đưa 100.000.000 đồng nên Á và H không đồng ý, mà yêu cầu phải đưa đủ tiền thì mới làm hồ sơ và cam kết nếu anh L không được hưởng án treo thì sẽ hoàn trả lại đầy đủ số tiền đã nhận. Vì tin tưởng nên gia đình chị S đưa 150.000.000 đồng cho Á thông qua chuyển khoản ngân hàng do anh N1 dùng tài

khoản ngân hàng số 050086933737, Ngân hàng S2, chủ tài khoản PHUN SIN NHI của N1 chuyển số tiền 150.000.000 đồng vào tài khoản ngân hàng số 11811811868, Ngân hàng M, chủ tài khoản DO THI AI của Á. Riêng số tiền 50.000.000 đồng còn lại thì các bên thống nhất khi nào anh L được hưởng án treo sẽ đưa sau. Tổng cộng Á đã nhận 350.000.000 đồng (ba trăm năm mươi triệu đồng) là tiền của gia đình chị S, đưa cho Á để lo “chạy án” cho Huỳnh Hưng L tại ngoại và được hưởng án treo, số tiền trên Á đã sử dụng tiêu xài cá nhân hết.

Đến tháng 5/2023, phiên tòa của Huỳnh Hưng L bị dời đến tháng 6/2023. Trong quá trình chờ đợi, gia đình chị S thường xuyên trao đổi thì Á nói dối rằng đã lo xong tất cả mọi việc và đến ngày xét xử thì anh L sẽ được hưởng án treo. Tuy nhiên, đến tháng 6/2023, Á tiếp tục thông báo với gia đình anh L rằng phiên tòa của anh L bị dời đến tháng 7/2023 và gửi thêm 01 (một) Đơn xin xác nhận để chị S, chị Y ký tên, điểm chỉ đem đến chính quyền địa phương chứng thực rồi đưa lại cho Á nhằm bổ sung hồ sơ cho anh L. Ngày 13/7/2023, chị S cùng gia đình đến tham dự phiên tòa phúc thẩm thì được biết, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai đề nghị giữ nguyên mức án 02 năm 06 tháng tù đối với L nên Y có trao đổi với Á thì Á nói dối rằng đã liên hệ với TAND tỉnh Đồng Nai cứ yên tâm chờ kết quả. Khi TAND tỉnh Đồng Nai tuyên án bác kháng cáo của Huỳnh Hưng L, giữ nguyên mức án 02 năm 06 tháng tù thì chị Y nhanh chóng thông báo cho Á biết thì Á nói rằng vụ án của anh L thuộc loại án điểm, liên quan đến giấy tờ, tài liệu giả không thể cho hưởng án treo và cam kết sẽ trả lại số tiền 350.000.000 đồng cho gia đình chị S. Sau đó, Gia đình chị S nhiều lần yêu cầu Á trả lại tiền nhưng Á không trả, nên chị Tìn Nhật S đã làm đơn tố cáo hành vi của Đỗ Thị Á đến Cơ quan điều tra Công an thành phố L.

2. Giám định:

Tại Bản Kết luận giám định số: 310/KL-KTHS ngày 11/3/2024, của Phòng K1 Công an tỉnh Đ xác định chữ ký, chữ viết, điểm chỉ vân tay mang tên Đỗ Thị Á trên giấy giao tiền ghi ngày 24/3/2023 là của Đỗ Thị Á.

Theo Kết luận giám định số 1595/KL-KTHS ngày 09/4/2024 của Phân Viện Khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh thì trong 02 (hai) file âm thanh tên “ái.m4a” và “áii.m4a” có giọng nói của Huỳnh Thị H và Đỗ Thị Á. Riêng 02 (hai) file âm thanh tên “Ái1.m4a” và “Thoại 039.m4a” đã được biên tập lại nên không tiến hành giám định; 04 (bốn) file âm thanh nêu trên là do chị Tìn Nhật S cung cấp cho Cơ quan điều tra.

3. Vật chứng vụ án:

- 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphone 11 ProMax màu xanh, số seri: FK1ZH0MWN71 (đã qua sử dụng) của Đỗ Thị Á là công cụ phạm tội được niêm

phong ngày 03/4/2024, đựng trong phong bì có hình dấu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố L, chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh để phục vụ công tác xét xử.

- 01 (một) giấy giao nhận tiền ghi ngày 24/3/2023 và 01 (một) USB hiệu TOSHIBA bên trong chứa 04 (bốn) file âm thanh, 01 (một) đĩa DVD ghi âm, ghi hình hồi cung bị cáo hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Riêng 01 (một) Điện thoại di động hiệu Iphone 14 ProMax có ốp lưng nhựa màu tím, số seri WQ3WD66031 (đã qua sử dụng); 01 (một) máy tính xách tay hiệu ASUS màu đỏ đen cùng các tài liệu được đựng trong thùng xốp, vỏ nhựa và hộp nhựa là tài sản của Đỗ Thị Á, không liên quan đến vụ án này nhưng liên quan đến hành vi của tội phạm khác. Nên Cơ quan điều tra Công an thành phố L tiếp tục tạm giữ để điều tra, xác minh làm rõ xử lý sau.

4. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra ông Đoàn Xuân K, sinh năm 1984 ngụ ấp B, xã B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai (nay là phường L, tỉnh Đồng Nai) là chồng (đã ly hôn) của bị cáo Đỗ Thị Á đã thay Á trả lại số tiền 350.000.000 đồng (Ba trăm năm mươi triệu đồng) cho bà Tìn Nhật S, hiện bà S không có yêu cầu gì thêm.

5. Quyết định của cấp sơ thẩm: Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HS-ST ngày 18/02/2025, Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh đã áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Thị Á 08 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

6. Kháng cáo: Ngày 18/02/2025, bị cáo Đỗ Thị Á có đơn kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 15/2025/HS-ST ngày 18/02/2025, đề nghị cấp phúc thẩm giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại tội danh do bị cáo chỉ phạm tội “Môi giới hối lộ”.

7. Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên toà: Kiểm sát viên đánh giá, phát biểu quan điểm xử lý vụ án; xác định Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Đỗ Thị Á theo tội danh và điều luật tại bản án sơ thẩm là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Bị cáo kháng cáo đề nghị Hội đồng xét xử xác định lại tội danh và áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm a, b, c, d, r, l, s, t Điều 51, Điều 54, Điều 59, Điều 22, Điều 23; Điểm a, c khoản 2, khoản 3 Điều 29 Bộ Luật Tố tụng Hình sự.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình và xin rút một phần kháng cáo, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Xét thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, tại phiên toà sơ thẩm bị cáo quanh co chối tội, đưa ra những tình tiết bị cáo có liên hệ với những người có thẩm quyền

nhằm “chạy án” cho L làm ảnh hưởng đến uy tín của các cơ quan tiến hành tố tụng. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp thêm được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

8. Ý kiến tranh luận của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Hành vi của bị cáo là hành vi phạm tội mang tính nhất thời, bộc phát, không có tính chất chuyên nghiệp. Bị cáo là lao động chính, một mình bị cáo nuôi bốn người con, bị cáo đã ly hôn chồng, mẹ bị cáo già yếu và mắc bệnh hiểm nghèo khiến bị cáo chật vật kiếm sống, gồng gánh gia đình là một phần nguyên nhân dẫn đến sự giao động tâm lý, dễ mắc sai lầm. Mức độ nguy hiểm trong hành vi của bị cáo là không cao, mang tính nông nổi, thiếu hiểu biết thực tiễn pháp lý, bị cáo đã chủ động khắc phục thiệt hại cho gia đình bị hại. Tại phiên tòa phúc thẩm, qua phân tích của Hội đồng xét xử, bị cáo đã nhận thức rõ sai trái trong hành vi của bị cáo, ăn năn hối lỗi, thành khẩn khai báo nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Á được gửi trong thời hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh truy tố và Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh xét xử đối với bị cáo Đỗ Thị Á về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự căn cứ trên số tiền bị cáo Á đã chiếm đoạt của bị hại là 350.000.000 đồng là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về kháng cáo của bị cáo: Bị cáo Đỗ Thị Á cho rằng không phạm tội như cấp sơ thẩm tuyên mà là tội “Môi giới hối lộ”, xin giảm nhẹ hình phạt.

Trên cơ sở lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Đỗ Thị Á mặc dù không có khả năng giải quyết cho Huỳnh Hưng L hưởng tại ngoại và hưởng án treo nhưng vẫn đưa ra những thông tin gian dối, thoả thuận và hứa hẹn với gia đình bị hại để bị hại tin tưởng giao tiền cho bị cáo. Số tiền bị cáo chiếm đoạt là 400.000.000 đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Bị cáo thực hiện nhiều lần cùng một loại hành vi, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo quanh co, chối tội nên không được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Á nhận thức được hành vi sai trái của bản thân, xin rút phần kháng cáo về tội danh, chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Nhận thấy, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân, hành vi của bị cáo còn làm ảnh hưởng xấu đến hoạt động đúng đắn của các cơ quan tiến hành tố tụng, ảnh hưởng đến uy tín của người tiến hành tố tụng nên cần thiết phải xử lý nghiêm. Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không cung cấp được được tình tiết giảm nhẹ đặc biệt nên không có căn cứ để xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Đỗ Thị Á phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Quan điểm tranh luận của người bào chữa cho bị cáo không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Đỗ Thị Á, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HS-ST ngày 18/02/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Đồng Nai).

1. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Đỗ Thị Á 08 (tám) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn tù tính từ ngày 02/4/2024.

2. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Đỗ Thị Á phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các Quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp. Long Khánh
(nay là TAND Khu vực 4 – Đồng Nai);
- VKSND Tp. Long Khánh

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- (nay là VKSND Khu vực 4 – Đồng Nai);
- Chi cục THADS Tp. Long Khánh
(nay là Phòng THADS Khu vực 4);
 - Phòng HSNV - CA tỉnh Đồng Nai;
 - Bị cáo;
 - Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ (Tiên).

Đào Thị Kiều Vân

